TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 02/4/2024.
V/v tranh chấp"Ly hôn, tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Kim T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp HLT, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Lê Kỳ S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp HLT, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(*Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trương Kim T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông S tự nguyện cưới nhau vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên ông bà đã không còn sống chung từ năm 2010. Nay không còn tình cảm nên bà T xin ly hôn với ông S

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh D, sinh ngày 12/8/2009 đang sống với ông S. Khi ly hôn bà T xin nhường quyền nuôi con cho ông S và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 500.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/02/2024 bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**Bị đơn ông Lê Kỳ S trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện cưới nhau vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên ông bà không còn sống chung từ năm 2010. Nay không còn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh D, sinh ngày 12/8/2009 đang sống với ông S. Khi ly hôn ông xin được nuôi con, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/02/2024 ông S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, do bà T và ông S sống chung không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông S là vợ chồng. Về con chung: đề nghị giao cháu Lê Thanh D, sinh ngày 12/8/2009 cho ông S nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng, bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Kỳ S cư trú tại ấp HLT, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Trương Kim T và bị đơn ông Lê Kỳ S có đơn đề nghị vắng mặt ngày 29/02/2024 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà T và ông S sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà T có yêu cầu ly hôn, xét thấy ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận bà T và ông S là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông S và bà T có một con chung là cháu Lê Thanh D, sinh ngày 12/8/2009. Ông S yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy cháu D hiện đang sống với ông S đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu muốn được sống với cha. Bà T cũng đồng ý giao con cho ông S nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho ông S nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 500.000 đồng. Bà T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S, buộc bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim T.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Kim T và ông Lê Kỳ S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh D, sinh ngày 12/8/2009 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thanh D mỗi tháng 500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Trương Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0007184 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên bà T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Báo nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thủy Uyên